ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH (ABBF)

Hà Nội, tháng 11 năm 2020

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 5

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA 6

CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 11

Điều 1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ 11

Điều 2. Thời gian hoạt động của Quỹ 11

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 11

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán 11

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ 12

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ 12

Điều 7. Ngân hàng Giám sát 12

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 13

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 13

Điều 9. Chiến lược đầu tư 13

Điều 10. Hạn chế đầu tư 14

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư 16

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 17

Điều 12. Nhà đầu tư 17

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư 17

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà đầu tư 18

Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 18

Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ 21

Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá bán và giá mua lại Đơn vị Quỹ 22

Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ 22

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 22

Điều 19. Đại hội Nhà đầu tư 22

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư 23

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư 24

Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư 25

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư 25

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 27

Điều 24. Ban Đại diện Quỹ 27

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ 27

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ 28

Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ 29

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ 29

Điều 29. Hoạt động của Ban Đại diện Quỹ 30

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ 31
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 32
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ 32
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ 32
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ 34
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ 34
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 35
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát 35
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát 35
Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát 37
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát 40
CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 40
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền 40
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 41
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 41
Điều 42. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 42
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 43
CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 43
Điều 44. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối 43
Điều 45. Hoạt động của Đại lý Phân phối 43
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối 44
Điều 47. Chấm dứt hoạt động của Đại lý Phân phối 45
CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 45
Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán 45
Điều 49. Năm Tài chính 46
Điều 50. Chế độ kế toán 46
Điều 51. Báo cáo tài chính 46
Điều 52. Báo cáo khác 46
CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 46
Điều 53. Xác định Giá trị Tài sản Ròng 46
Điều 54. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ 47
Điều 55. Công ty Quản lý Quỹ đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ 47
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 48
CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ 48
Điều 57. Thu nhập của Quỹ 48
Điều 58. Lợi nhuận của Quỹ 49
Điều 59. Chi phí hoạt động của Quỹ 49
CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ 51

Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....51
Điều 61. Các điều kiện tách Quỹ 51
Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ.....51
CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....52
Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.....52
CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 52
Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....52
Điều 65. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 53
Điều 66. Điều khoản thi hành.....53
Điều 67. Đăng ký Điều lệ 53
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 54
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....56
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 57
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ 58

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006;
2. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011;
3. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
4. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
5. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012;
6. Nghị đinh số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
7. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngyaf 23/9/2013;
8. Nghị đinh số 86/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
9. Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
10. Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/1/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015;
11. Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16/3/2017 sửa đổi một số điều Thông tư 11/2016/TT-BTC ngày 19/1/2016;
12. Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
13. Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/1/2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011;
14. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
15. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
16. Thông tư số 123/2015/TT- BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
17. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
18. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

19. Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
20. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

"**Quỹ**"	có nghĩa là Quỹ đầu tư trái phiếu An Bình (ABBF), một quỹ đầu tư trái phiếu dạng quỹ mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (sau đây gọi chung là "**Luật Chứng khoán**") và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.
"**Công ty Quản lý Quỹ**"	có nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình ("ABF"), được thành lập theo giấy phép hoạt động số 12/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình được uỷ thác quản lý Quỹ đầu tư trái phiếu An Bình, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.

"**Ngân hàng Giám sát**"	có nghĩa là - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành) ("BIDV Hà Thành"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp; cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 36 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
"**Công ty Kiểm toán**"	có nghĩa là công ty kiểm toán độc lập được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
"Đại lý Phân phối"	có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều 45, Điều 46 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ Quỹ ABBF"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.

"Đại hội Nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
"**Vốn Điều lệ Quỹ**"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị Quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư ABBF"	(Sau đây gọi là "**Chứng chỉ**") là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.

"Giá dịch vụ phát hành/ giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ quy định tại Điều 17 của Điều lệ này và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
"Cổ tức Quỹ"	có nghĩa là khoản lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ"	có nghĩa là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày gần nhất trước Ngày Định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục 4.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định của Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt quỹ, phát hành, mua lại và chuyển đổi chứng chỉ Quỹ.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.
"Ngày"	Trong Điều lệ này được hiểu là ngày làm việc theo dương lịch, trừ các ngày thứ bẩy, chủ nhật, và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật.
"Điều lệ"	có nghĩa là bản Điều lệ này được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm tất cả các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm.
"Người có Liên quan"	có nghĩa là khái niệm "người có liên quan" được quy định tại Luật Chứng khoán có hiệu lực tại thời điểm xây dựng Điều lệ này và được thay đổi, cập nhật tương ứng khi Luật Chứng khoán được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được điều chỉnh, thay thế,

	bổ sung.
"Luật Chứng khoán"	Là Luật Chứng khoán có hiệu lực tại thời điểm xây dựng Điều lệ này và được thay đổi, cập nhật tương ứng khi Luật Chứng khoán được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được điều chỉnh, thay thế, bổ sung.
"UBCKNN"	có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, Điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ "của Điều lệ này", "trong Điều lệ này" và "theo Điều lệ này" và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ

1. Tên Quỹ đầu tư

Tên bằng tiếng Việt:	**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH**
Tên giao dịch quốc tế:	AN BINH BOND FUND
Tên viết tắt:	ABBF

2. Địa chỉ đăng ký: Tầng 12, Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
3. Điện thoại: (84.24) 35 626 246
4. Fax: (84.24) 35 626 249

Điều 2. Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
2. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
3. Công ty Quản lý Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.
4. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ Quỹ
   a) Vốn Điều lệ tối thiểu huy động trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ là **50.000.000.000** Đồng Việt Nam (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam).
   b) Vốn Điều lệ Quỹ do các Nhà đầu tư đóng góp bằng đồng Việt Nam. Việc góp vốn được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát.
2. Đơn vị Quỹ
   a) Mệnh giá của Đơn vị Quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam (mười nghìn Đồng Việt Nam).
   b) Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm đó.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ
   - Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
   - Tên bằng tiếng Anh: AN BINH FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY
   - Tên viết tắt: ABF
2. Giấy phép thành lập số: 12/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung
3. Địa chỉ đăng ký: Tầng 12, Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: (84.24) 35 626 246
5. Fax: (84.24) 35 626 249

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

1. Tên Ngân hàng Giám sát:
   - Tên bằng tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)
   - Tên bằng tiếng Anh: Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch (BIDV Ha Thanh)
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
3. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp
4. Địa chỉ đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
5. Điện thoại: +84.243.9411840 Fax : +84.243.9411847
6. Website:

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn, vừa đảm bảo mức lợi nhuận cho nhà đầu tư vừa hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất có thể.

Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng chủ yếu gồm các tài sản có thu nhập cố định là trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng cao, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương, tiền gửi có kỳ hạn, các tài sản tương đương tiền, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ trên thị trường tiền tệ. Ngoài ra, Quỹ có thể xem xét đầu tư một tỷ trọng nhất định vào một danh mục cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên các sàn giao dịch chứng khoán trong nước.

Dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của Quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Đối với Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Quỹ tập trung vào quản lý kỳ hạn, lựa chọn trái phiếu dựa trên nhận định về xu hướng lãi suất, tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính Phủ.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng trả nợ cao.

Đối với cổ phiếu niêm yết, Quỹ xem xét đầu tư khi đội ngũ đầu tư đánh giá thị trường cổ phiếu và tình hình kinh tế vĩ mô thực sự thuận lợi. Các cổ phiếu đầu tư sẽ chủ yếu là các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa lớn và phải có thanh khoản tốt.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư:

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, tiền gửi, và các công cụ tiền tệ khác, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ nợ do các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

a) Tài chính - ngân hàng – Bảo hiểm;

b) Công nghiệp, xây dựng
c) Công nghệ thông tin, Viễn thông;
d) Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
e) Y tế và giáo dục;
f) Năng lượng
g) Bất động sản, phát triển cơ sở hạ tầng;
h) Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:

a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.
g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

Quỹ đầu tư ABBF sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

10.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

(a) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây mà được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau:
   (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng
   (ii) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
   (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
   (iv) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức

niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

(v) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro. Phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục 4, Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng.

(b) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu không bao gồm trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi không được vượt quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

(c) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán, trừ trái phiếu Chính phủ, của một tổ chức phát hành không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;

(d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào: (i) cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; (ii) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

(e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

10.2 Quỹ không được thực hiện:

(a) Đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(b) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

10.3 Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra trong Mục 10.1 (a), (b), (c), (d) nêu trên và chỉ vì các nguyên nhân sau:

(a) Do biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

(b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của quỹ;

(c) Do thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

(d) Do hoạt động sáp nhập và hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;

(e) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; hoặc

(f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

10.4 Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Mục 10.1 của phần này trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định trong Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

10.5 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ:

(a) Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định;

(b) Công ty Quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;

(c) Tài sản của quỹ không được sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác;

(d) Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.

10.6 Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) mục 10.1 ở trên phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Đối với tài sản là tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng: Công ty Quản lý Quỹ sẽ lựa chọn tổ chức tín dụng, ngân hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ phù hợp, hiệu quả đảm bảo an toàn và hiệu quả cao cho Quỹ và thực hiện đầu tư theo đúng quy trình quy định tại Điều lệ Quỹ.
2. Đối với Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Quỹ tập trung vào quản lý kỳ hạn, lựa chọn trái phiếu dựa trên nhận định về xu hướng lãi suất, tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.
3. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng trả nợ cao nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

4. Đối với cổ phiếu niêm yết, Quỹ xem xét đầu tư khi đội ngũ đầu tư đánh giá thị trường cổ phiếu và tình hình kinh tế vĩ mô thực sự thuận lợi. Các cổ phiếu đầu tư sẽ chủ yếu là các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa lớn và phải có thanh khoản tốt.

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân ký và thông báo đến cho Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch.
3. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ với các mức giá áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác và trở thành Nhà đầu tư.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:
   a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
   b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
   c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
   d) Tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư, mỗi Đơn vị Quỹ có một phiếu biểu quyết; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
   e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ như sau:
   a) Tuân thủ Điều lệ này;
   b) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
   c) Thanh toán đầy đủ tiền mua số Đơn vị Quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ; và

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ chính phải có các thông tin sau:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
   b) Thông tin về Nhà đầu tư, bao gồm:

   Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

   Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

   c) Số tài khoản; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
   d) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu.
3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ:

a) Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ là một hoặc một số ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu; không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Ngày giao dịch và ngày hiệu lực của việc áp dụng Ngày giao dịch sẽ được Công ty quản lý quỹ cập nhật tại Bản cáo bạch và thông báo công khai trên website của Công ty quản lý quỹ.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

b) Thời điểm đóng sổ lệnh:
   (i) Đối với việc hồ sơ là 12h sáng ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1). Lệnh mua và lệnh bán chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh.
   (ii) Đối với việc thanh toán tiền mua Đơn Vị Quỹ là 15h chiều ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1).

c) Nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Nhà đầu tư mở tài khoản đứng tên chủ sở hữu là nhà đầu tư (Tài khoản của nhà đầu tư) khi giao dịch qua Đại lý Phân phối.

d) Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua internet, điện thoại, fax, hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

i. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư;

ii. Trường hợp lệnh nhận qua internet, điện thoại, fax, hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo giao dịch điện tử và lưu trữ lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

2. Lệnh mua chứng chỉ Quỹ

a) Nhà đầu tư phải có tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ trước khi đặt lệnh mua. Việc đăng ký mở tài khoản được thực hiện tại các Đại lý Phân phối.

b) Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký mua, đồng thời thanh toán đầy đủ vào Tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh.

c) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối:

$$\frac{\textit{(Tổng số đăng ký mua hợp lệ - Giá dịch vụ phát hành)}}{\textit{Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ}}$$

d) Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

e) Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị quỹ Nhà đầu tư mua được.

f) Lệnh mua của Nhà đầu tư không hợp lệ trong các trường hợp sau:

(i) Tại thời điểm 15h ngày T-1, Quỹ không nhận được tiền thanh toán mua chứng chỉ Quỹ;

(ii) Tiền mua chứng chỉ Quỹ nộp bằng tiền mặt;

(iii) Trong trường hợp lệnh mua của Nhà đầu tư không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ này sẽ được chuyển trả vào tài khoản đã đăng ký của nhà đầu tư, phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

3. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ

a) Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán.

b) Phiếu đăng ký bán phải được nộp tại địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ của Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.

c) Số lượng Đơn vị quỹ mà Nhà đầu tư đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

d) Nhà đầu tư có thể đặt lệnh bán toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ hoặc một phần nhưng phải đảm bảo không làm cho số lượng Chứng chỉ Quỹ sau lệnh bán thấp hơn số lượng chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản được quy định tại Bản cáo bạch.

e) Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị thanh toán mua lại sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền (nếu có).

f) Giá trị thanh toán mua lại = Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán hợp lệ * Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ - giá dịch vụ mua lại

g) Xác nhận giao dịch: được Đại lý Phân phối chuyển tới Nhà đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.

h) Thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ: năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5) và không quá (07) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

i) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
- Được nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
- Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
- Cơ cấu danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.

4. Lệnh chuyển đổi

Lệnh chuyển đổi nhằm bán Chứng chỉ quỹ này để mua Chứng chỉ quỹ của quỹ khác của cùng một Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại lý chuyển nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư nắm giữ và các quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi và Đại lý chuyển nhượng xác nhận cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận. Lệnh bán sẽ được thực hiện trước, sau đó mới tới lệnh mua được thực hiện. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ của các quỹ tương ứng.

Nhà đầu tư chỉ phải trả Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi nếu Giá Dịch Vụ Phát Hành tại Quỹ mục tiêu cao hơn Quỹ rời đi tại thời điểm chuyển đổi. Trong các trường hợp khác, nhà đầu tư không phải trả Giá Dịch Vụ

Chuyển Đổi.

Nhà đầu tư không phải trả Giá Dịch Vụ Mua Lại cho Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Các khoản thuế giao dịch, nếu có, sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được chuyển đổi sang Quỹ mục tiêu sẽ được tính lại từ đầu kể từ ngày Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được thực hiện.

5. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ

1. Đáp ứng một phần của lệnh bán: Theo quy định của pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán trong trong một số trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi nếu có) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi nếu có) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ;

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới: giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ đồng.

2. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được đáp ứng một phần, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng việc phân bổ lệnh bán theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: Tất cả các lệnh bán được ghép cùng với nhau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau để đảm bảo công bằng cho tất cả các Nhà đầu tư.

3. Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần làm cho số dư còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn số dư tối thiểu theo quy định tại Bản cáo bạch thì số lượng còn lại sẽ được tự động bán vào phiên giao dịch kế tiếp.

4. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà đầu tư có nhu cầu bán phải đăng ký trong các kỳ giao dịch tiếp theo, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Chứng chỉ quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

   a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

   b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

   c) Các sự kiện khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

6. Công ty quản lý quỹ báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể

từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà đầu tư, tùy thuộc vào tình hình thực tế, nhưng không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất.
8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
9. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá bán và giá mua lại Đơn vị Quỹ

1. Giá phát hành lần đầu của một Đơn Vị Quỹ Mở là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) cộng Giá dịch vụ phát hành đã được công bố chi tiết tại Bản Cáo Bạch;
2. Giá bán một Đơn vị Quỹ cho các lần tiếp theo được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.
3. Giá mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại.
4. Giá dịch vụ phát hành được căn cứ vào tổng giá trị giao dịch; giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ với mức giá dịch vụ tối đa không vượt quá mức giá dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Các mức giá dịch vụ cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ quy định trong Bản cáo bạch hiện hành.
5. Giá dịch vụ phát hành được thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ khi phát hành.

Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 19. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập. Đại hội Nhà đầu tư có thể được triệu tập họp

thường niên hoặc bất thường. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp. Việc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 21 Điều lệ này.

3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp thường niên họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (thông qua hình thức gửi thư bằng văn bản, gửi qua fax hoặc qua thư điện tử) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác trên cơ sở Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.
4. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong những trường hợp sau đây:
   a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
   b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
5. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát trên cơ sở thỏa thuận với Ngân hàng Giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
4. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ; tách Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
7. Xem xét và kiến nghị các biện pháp xử lý vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban đại diện quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;

8. Yêu cầu thành viên Ban Đại diện Quỹ kiểm tra sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch của Quỹ tại trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và báo cáo kết quả tại Đại hội Nhà đầu tư;

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành đại hội.
2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội Nhà đầu tư. Việc uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo pháp luật. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư phải nộp văn bản uỷ quyền cho Ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp.
3. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
5. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20.
6. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
7. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
8. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
   a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
   b) Phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
      (i) Tên Quỹ;
      (ii) Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
      (iii) Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
      (iv) Lựa chọn biểu quyết gồm: "nhất trí", "không nhất trí" và "không có ý kiến".
   c) Gửi phiếu hỏi ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN tối thiểu mười lăm (15) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.
   d) Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng Giám sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 07 ngày kể từ ngày kết

thúc việc lấy ý kiến.

Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý quỹ, công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và 5 Điều này.
4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20 Điều lệ này, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành;
5. Đối với nội dung thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:
   a) Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất chín mươi lăm phần trăm (95%) tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
   b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản này không ít hơn một trăm phần trăm (100%) tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành của các Nhà đầu tư tham gia tại thời điểm biểu quyết.
6. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư biểu quyết tán thành.
7. Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.
8. Trong vòng bảy (07) ngày, sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư gửi cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại chứng chỉ

quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác có cùng chính sách đầu tư do Công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng xác định tại ngày họp Đại hội Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ đại diện cho Nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản.
2. Ban Đại diện quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại diện quỹ là các thành viên độc lập.
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
   a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
   b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
4. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, hoặc có thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
5. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm. Thành viên của Ban Đại diện Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Đại diện Quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Đại diện Quỹ.
6. Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được hưởng thù lao và được thanh toán các chi phí và phí tổn hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban Đại diện Quỹ hoặc các chi phí và phí tổn hợp lý khác vì mục đích công việc của Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện Quỹ căn cứ vào số ngày dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
7. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của Chủ tịch và thành viên Ban đại diện theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân trừ trường hợp là người đại diện phần vốn của Tổ chức nhận khoản thù lao Ban đại điện thay cho Tổ chức và nộp về cho chủ sở hữu theo ủy quyền hợp pháp.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
   a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có kinh nghiệm hoặc có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư;

c) Thành viên độc lập của Ban Đại diện Quỹ là thành viên không phải là người có liên quan với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

2. Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban Đại diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của Nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo uỷ quyền mới của Nhà đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được Đại hội Nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;

b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận bằng văn bản các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch; thay mặt nhà đầu tư phê duyệt quy chế hướng dẫn về việc bỏ phiếu điện tử cho từng đợt lấy ý kiến Nhà đầu tư nếu sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử (e-voting).

Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.

c) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

d) Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư đã ủy quyền, Ban đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 20 Điều lệ này, bao gồm mức lợi nhuận phân phối, thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

e) Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;

f) Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

g) Phê chuẩn các giao dịch của Quỹ với Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc

Ngân hàng Giám sát phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

h) Kiến nghị những thay đổi đối với chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ để Đại hội Nhà đầu tư quyết định;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Điểm d khoản 1 Điều này, Ban Đại diện quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư theo phương thức quy định tại Điều 64 Điều lệ này.

3. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

4. Ban Đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp cung cấp các thông tin bảo mật về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thỏa thuận về bảo mật thông tin với Quỹ cho bất kỳ đối tượng nào trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc pháp luật có quy định.

Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ; và

d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.

2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn theo nguyên tắc nhất trí một trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Hoạt động của Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần, dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải có các nội dung sau:
   a) Thời gian và địa điểm họp;
   b) Họ và tên thành viên tham dự;
   c) Chương trình họp;
   d) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và kết quả biểu quyết;
   e) Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp;
   f) Các quyết định đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua; và
   g) Chữ ký có ghi rõ họ và tên của tất cả các thành viên Ban đại diện và thư ký tham gia cuộc họp.
6. Trong trường hợp Ban Đại diện Quỹ xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp định kỳ hoặc để quyết định khẩn cấp một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có thể tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Ban Đại diện Quỹ bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải làm các công việc sau:
   a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến. Phiếu hỏi ý kiến phải có những nội dung sau:
      (i) Tên Quỹ;
      (ii) Lý do hỏi ý kiến;
      (iii) Vấn đề cần hỏi ý kiến và danh mục tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
      (iv) Lựa chọn biểu quyết gồm: "nhất trí", "không nhất trí" và "không có ý kiến"; và
      (v) Thời hạn cuối cùng mà các thành viên Ban Đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời.
   b) Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quỹ;

c) Thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu; và

d) Thông báo bằng văn bản về kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn mà các thành viên Ban Đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời của họ. Trong trường hợp các thành viên Ban Đại diện Quỹ không gửi văn bản trả lời hoặc gửi văn bản trả lời không đúng thời hạn quy định thì được coi như là đã biểu quyết "không có ý kiến".

7. Chi phí tiến hành họp Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

8. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

a) Bị khởi tố hoặc truy tố;

b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, tuyên bố chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc do quy định của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;

d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;

e) Có văn bản thông báo thành viên Ban đại diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức.

2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;

b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện Quỹ khi có quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong 6 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.

f) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 25 của Điều lệ này.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Được UBCKNN cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

b) Không phải là Người có Liên quan của Ngân hàng Giám sát;

c) Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ; và

d) Được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;

b) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;

c) Ký các Hợp đồng Giám sát, Hợp đồng lưu ký với Ngân hàng Giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của Quỹ;

d) Ký các Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ ủy quyền khác theo quy định của pháp luật với tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

e) Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về tổ chức, nhân sự, và hoạt động giữa hoạt động quản lý quỹ cho Quỹ với các hoạt động đầu tý chứng khoán khác của Công ty Quản lý Quỹ;

f) Phải thiết lập quy trình phân bổ tài sản giao dịch thống nhất, hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại một thời điểm cho các Quỹ và cho chính Công ty Quản lý Quỹ thì việc phân bổ tài sản giao dịch phải được ưu tiên cho Quỹ theo quy định của pháp luật;

g) Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Đại hội Nhà đầu tư và/ hoặc Ban đại diện và các chủ thể khác theo quy định của pháp luật và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ; lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách

nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Việc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được thực hiện theo các nguyên tắc và trên cơ sở hợp đồng theo các quy định của pháp luật;

i) Đảm bảo tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;

j) Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí/giá dịch vụ và thưởng quy định trong Điều lệ này;

k) Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; thay mặt Quỹ, thực hiện thanh toán các khoản phí/giá dịch vụ và chi phí hợp lý hợp lệ của Quỹ;

l) Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

m) Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;

n) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật;

o) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại diện Quỹ, các Nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

p) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp:

   i. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn theo quy định của pháp luật.

   ii. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ quỹ này.

   iii. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ này, quy định của pháp luật.

   iv. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều

10 Điều lệ này.

q) Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:

a) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư;

d) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị Ban Đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

b) Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

c) UBCKNN thu hồi giấy phép quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ;

d) Công ty Quản lý Quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty Quản lý Quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí bồi thường khi thay đổi công ty quản lý quỹ

a) Trong trường hợp thay đổi công ty quản lý Quỹ theo Điểm a, Khoản 1, Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản giá dịch vụ (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) để bù đắp những chi phí phát sinh do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng của công ty quản lý quỹ.

b) Mức giá dịch vụ này sẽ bằng: 3% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan, có quan hệ sở hữu của Ngân hàng Giám sát. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc,

người hành nghề quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm cho ngân hàng giám sát và ngược lại;

2. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ do mình quản lý để đầu tư vào các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý;
3. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư vốn của Quỹ vào bất kỳ tài sản nào mà trong đó Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi, trừ trường hợp có sự chấp thuận trước của Ban Đại diện Quỹ;
4. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ;
5. Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, người hành nghề quản lý Quỹ và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ ngoại trừ các khoản giá dịch vụ quy định tại Điều lệ này;
6. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản lý Quỹ, Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty Quản lý Quỹ, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào;
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại, có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ và Quỹ. Ngân hàng Giám sát không tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát có nghĩa vụ:

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư Quỹ;
b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên

quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;

h) Xác nhận Giá trị Tài sản Ròng, Giá trị Tài sản Ròng trên Đơn vị quỹ và xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

j) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

l) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;

n) Thực hiện các chế độ báo cáo và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát theo quy định của Điều lệ này, Hợp đồng Giám sát và pháp luật Việt Nam;

o) Tuyệt đối bảo mật thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ; và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát theo Hợp đồng Giám sát và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Ngân hàng Giám sát nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng Ngân hàng Giám sát, trừ trường hợp theo yêu cầu của (i) tư vấn pháp lý, kiểm toán viên hoặc bất kỳ tư vấn chuyên ngành nào khác có cam kết bảo mật

tương tự, hoặc (ii) theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

p) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận của Quỹ theo quy định của pháp luật và các quy định trong Hợp đồng Giám sát;

q) Tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán, Điều lệ này và Hợp đồng Giám sát; và

r) Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ mọi cam kết tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Ngân hàng Giám sát có quyền:

a) Hưởng các loại giá dịch vụ cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ này và Hợp đồng Giám sát nhưng không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho mình hoặc cho các bên thứ ba;

b) Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;

c) Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật;

d) Kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát nêu tại Điều lệ Quỹ để phù hợp với Hợp đồng Giám sát và pháp luật Việt Nam.

Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định giá tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy

định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ;

f) Công Ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng nào khác trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản nếu cho là thích hợp, và Ngân hàng Giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng đó;

g) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều Lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện ("BĐD") hoặc Đại hội Nhà Đầu tư ("ĐHNĐT") của Quỹ, ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.

   i. Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc

   ii. Ngân hàng Giám sát được chỉ thị bởi Quỹ (hoặc Ban đại diện hoặc Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ) hoặc Công Ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc

   iii. Ngân hàng Giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân hàng Giám sát bởi: (i) BĐD của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do BĐD của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa

vụ nợ của Quỹ tới Ngân hàng Giám sát.

((i), (ii) và (iii) gọi chung là "**Những định giá bị Ảnh hưởng**")

h) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị Ảnh hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá trị Tài sản ròng của Quỹ;

i) Quỹ và Công Ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng Giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát) mà Ngân hàng Giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định giá bị Ảnh hưởng.

2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.

4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các / và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Ngân hàng Giám sát được cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ tại Ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử Nhà đầu tư với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác của Ngân hàng Giám sát. Trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

7. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ

cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận; hoặc
   b) Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc tuyên bố phá sản; hoặc
   c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận; hoặc
   d) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
   e) Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán; hoặc
   f) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng Giám sát.
2. Trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm d khoản 1 Điều này), quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng Giám sát nhận bàn giao. Ngân hàng Giám sát nhận bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam về việc thay đổi Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:
   a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
   b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
   c) Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
   d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:

a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;

b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;

d) Tổ chức các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

e) Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền;
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền;
3. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;
4. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám

sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 42. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
    a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
    b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
    c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ);
    d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ

sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Các tổ chức cung cấp dịch vụ thuê ngoài cho Quỹ bị chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ xét thấy tổ chức cung cấp dịch vụ không đáp ứng các tiêu chí và trách nhiệm theo quy định tại điều lệ này. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt hoạt động ủy quyền đến Nhà đầu tư.

CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 44. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.
2. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.
3. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.

Điều 45. Hoạt động của Đại lý Phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư;
3. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một

cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;

5. Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối

1. Đại lý Phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
4. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí/giá dịch vụ đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các Hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.
5. Đại lý Phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
6. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao

trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động của Đại lý Phân phối

1. Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ bị chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Tự nguyện chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;
   b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;
   c) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
2. Địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
   a) Theo quyết định của Đại lý Phân phối;
   b) Đại lý Phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
   c) Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền, Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Quỹ.
2. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
   a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
   b) Được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán; và
   c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
   d) Không phải là Người có Liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
3. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 49. Năm Tài chính

Một năm tài chính ("**Năm Tài chính**") có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 51. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính bán niên, năm sẽ được kiểm toán hàng năm bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.
3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và các Nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ này.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 52. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà đầu tư các báo cáo khác bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

1. Báo cáo về hoạt động của Quỹ;
2. Báo cáo thống kê về giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ;
3. Báo cáo định kỳ hoạt động đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 53. Xác định Giá trị Tài sản Ròng

1. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và Ngân hàng Giám sát xác nhận phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ này. Việc Ngân hàng Giám sát thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định tại khoản 6 Điều 37 Điều lệ này đối với trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ.

2. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.
5. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Khoản 1 Điều 15 Điều lệ này và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 54. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.

Điều 55. Công ty Quản lý Quỹ đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn nếu thiệt hại từ 0,75% Giá trị Tài sản Ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
   a) Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã bán;
   b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
   a) Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

4. Mức đền bù bằng đúng mức thiệt hại và được xác định theo các căn cứ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Mọi chi phí đền bù cho Nhà đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty quản lý quỹ. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này được hạch toán vào Quỹ nếu được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn (100.000) đồng nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào thu nhập của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định khác.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
   a) Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá (tối thiểu gồm 3 tổ chức);
   b) Việc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá chỉ phục vụ cho việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ;
   c) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
2. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
   a) Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
   b) Các hệ thống báo giá trái phiếu;
   c) Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 57. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

1. Lãi trái phiếu;
2. Lãi tiền gửi;
3. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
4. Các khoản thu nhập khác.

Điều 58. Lợi nhuận của Quỹ

1. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí/giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
   a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
   b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
   c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
   d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
   e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

Điều 59. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ:

Giá dịch vụ quản lý là 1,45% (một phẩy bốn nhăm phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ quản lý = 1,45% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp điều chỉnh giảm Giá dịch vụ quản lý quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ quản lý mới với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo đúng quy định

của Pháp luật.

2. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

*Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

3. Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,06% (sáu điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

*Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán (chi phí bên thứ ba).

4. Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0.03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

5. Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi; và giá dịch vụ phân phối cổ tức. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cung cấp hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ, bao gồm các thông tin chi tiết về các khoản giá dịch vụ này theo yêu cầu của Nhà đầu tư. Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 (mười triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

6. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
7. Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.
8. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
9. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ
10. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
11. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.
12. Thuế đánh trên các phí/giá dịch vụ và các loại lệ phí khác:

    Quỹ sẽ thanh toán các khoản giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ; giá dịch vụ giám sát,

giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát; giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí/giá dịch vụ (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2 Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 61. Các điều kiện tách Quỹ

1. Việc tách quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
   a) Công ty Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
   b) Các sự kiện khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
   a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   b) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
   d) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (6) tháng.
2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
   a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
   b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
   a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối; hoặc
   b) Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, và các báo cáo khác bán niên và hàng năm khác theo quy định của pháp luật.
4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này.
5. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

Điều 65. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội Nhà đầu tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư:
   a) Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý;
   b) Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ quỹ.

2. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 66. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản xác nhận việc lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm phối hợp với các Nhà đầu tư của Quỹ để hoàn tất mọi thủ tục thành lập quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 67. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 67 Điều và 04 Phụ lục.
2. Các Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại diện Quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị ngang nhau:
   a) 01 (một) bản để báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
   c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng Khoán An Bình

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 12/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung Cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ:

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tuỵ và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
   a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ;
   d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí/giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có Liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những Người có Liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí/giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí/giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không

bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

S.G.P: 12 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Tổng Giám đốc
Lê Việt Hà

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Ngân hàng Giám sát cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Phó Giám đốc

Ngô Thị Thu Cúc

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 12/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH	**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH**
Tổng Giám đốc	**Phó Giám đốc**
Lê Việt Hà	**Ngô Thị Thu Cúc**

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

I. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Thứ Tư hàng tuần đối với kỳ báo cáo tuần và ngày đầu tiên của tháng đối với kỳ báo cáo tháng/quý/năm. Nếu ngày định giá tuần trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

2.1. Giá trị Tài sản Ròng (NAV): là Tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi Tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ hành chính, giá dịch vụ định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có...) tại ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Tại Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		

5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng (i) lãi suất suất chiết khấu tại thời điểm mua cộng với (ii) sự thay đổi lãi suất tham chiếu của coupon trái phiếu giữa thời điểm mua và thời điểm định giá • Giá mua cộng lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; • Giá xác định theo Phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận ***Ghi chú:*** *(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.*
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết(*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng (i) lãi suất suất chiết khấu tại thời điểm mua cộng với (ii) sự thay đổi lãi suất tham chiếu của coupon trái phiếu giữa thời điểm mua và thời điểm định giá • Giá mua cộng lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế. • Giá xác định theo phương pháp khác đã được ban đại diện quỹ chấp thuận ***Ghi chú:*** *(*)Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.*
Cổ phiếu		

7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan được Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban

		đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước Ngày Định Giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một Cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF/VBMA...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*

Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi giá dịch vụ mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi giá dịch vụ mua quyền chọn (premium).

2.2. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.

2.3. Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

2.4. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị quỹ (NAV/CCQ) bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

2.5. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

II. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Vào ngày định giá, Công ty quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Phần I Phụ lục này.
2. Đối với giá trái phiếu chưa niêm yết: Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
3. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
4. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
5. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác cho Nhà đầu tư.